

TỘI PHẠM HỌC VIỆT NAM VÀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

*Phạm Văn Tỉnh**

Những năm gần đây, phần vì thực tế của tình hình tội phạm ngày một tác động mạnh mẽ hơn đến đời sống cộng đồng như một lực cản nguy hại đối với sự phát triển của toàn xã hội cũng như đối với trật tự xã hội và an ninh quốc gia, phần vì nhu cầu đào tạo đại học và sau đại học ngày càng cao, nhiều tác giả đã bỏ công nghiên cứu và công bố sản phẩm tâm huyết của mình về nhiều vấn đề thuộc nội dung của tội phạm học, trong đó có nhiều bài viết về phòng ngừa tội phạm với các cung bậc tri thức khác nhau. Đây là biểu hiện tốt cho sự nghiệp đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như cho sự định hình và phát triển khoa học – Tội phạm học Việt Nam. Đi theo hướng đó, bài viết này xin đề cập đến hai khía cạnh thuộc phạm trù phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong tình hình hiện nay.

1. PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM – CÁI ĐÍCH PHẢI ĐẾN CỦA TỘI PHẠM HỌC

Phòng bệnh, phòng lụt, phòng cháy, phòng ngừa tội phạm... đều là những khái niệm được nảy sinh theo một quy luật mà C. Mác đã khái quát là “cái lôgic của sự vật quy định cái lôgic của tư duy”. Điều này ở đây muốn nói rằng, hành vi ứng xử của con người rồi đến kinh nghiệm của con người liên quan đến việc phòng ngừa một cái gì đó, trước hết được “chiết xuất” từ lôgic của chính cái cần phải phòng ngừa đó, cái mà ở đây muốn nói là tội phạm. Không cần ai dạy bảo, cũng không cần phải học hành ở đâu cả, khi người ta có chút tiền bạc hay một tài sản giá trị cao nào đó, người ta đã nghĩ ngay ra cái cách để giữ gìn nó sao không bị kẻ khác lấy mất, từ việc làm khoá cửa, khoá cổng, nuôi chó cho đến việc gửi gắm ở một nơi nào đó an toàn...

Chính vì cái lôgic tương chừng như đơn giản và tự nhiên đó mà ngày nay ai cũng có thể nói được dù ít, dù nhiều về phòng ngừa tội phạm. Thế nhưng, vấn đề của phòng ngừa tội phạm không phải ở chỗ làm cái cửa, cái cổng thật chắc chắn mà phải là sự hiểu biết về sự phạm tội, về cơ chế của hành vi phạm tội, về bản chất của tình hình tội phạm, về quy luật của sự phát sinh, tồn tại và phát triển cũng như tiêu vong của loại hiện tượng xã hội tiêu cực này. Nói cách khác, những hiểu biết về phòng ngừa tội phạm, để trở thành một hệ thống tri thức, tức là khoa học, có giá trị hướng dẫn thực tiễn và làm cơ sở cho các công trình nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn, thì rõ ràng nó phải là sản phẩm của nghiên cứu khoa học.

Lịch sử phát triển của tội phạm học (cho đến thế kỷ 19) đã cho thấy, đó là một quá trình tìm tòi những vấn đề đã nêu và cái bản chất của tình hình tội phạm, cái quy luật của sự phạm tội đương nhiên chỉ có thể tìm thấy bằng những công trình nghiên cứu chính bản thân khách thể nghiên cứu, tức là tình hình tội phạm với đủ các loại hình thức khác nhau của nó.

Các trường phái tội phạm học rồi đến các học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm (Kriminaliteatstheorien) đã xuất hiện rầm rộ vào cuối thế kỷ 18 và thế kỷ 19 với các tên tuổi như: Beccaria, Lombroso, Quetelet, Lacassagne, Tarde, Liszt, Lafargue... Tại sao lại như vậy, tại sao lại có nhiều học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm như vậy?

Thứ nhất, thời gian đó mới là bình minh của tội phạm học.

Thứ hai, vẫn còn thiếu lời giải thích thuyết phục về nguyên nhân của tình hình tội phạm¹.

¹ Hans - Dieter Schwind, Kriminologie, Nxb. Kriminalistik, Heidelberg, 2007, tr. 85.

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

Thứ ba, là vì chưa có phương pháp luận nhất quán, hay nói theo Ph. Ăng ghen là chưa có sự kết hợp với triết học² và nếu cứ trong chừng mực đó thì sẽ chẳng có thể có điểm dừng, các học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm vẫn tiếp tục được sản sinh ra bên cạnh các học thuyết khác. Về cơ bản, các học thuyết đó “Chỉ có thể giải thích hoặc tìm cách giải thích một phần nào đó của tình hình tội phạm, tức là không bao quát được tình hình tội phạm một cách tổng thể”³.

Ở đây, cần phải nhấn mạnh và nói đến một phát kiến, theo tôi là vĩ đại của Ph. Ăng ghen được nêu ra khi ông nghiên cứu về sự phát triển của khoa học nói chung và khẳng định: “Thế kỷ 18 đã tập hợp làm một những kết quả của lịch sử quá khứ, những kết quả này trước đó chỉ xuất hiện một cách rời rạc và dưới hình thức ngẫu nhiên và nó đã chỉ rõ sự cần thiết và gắn bó bên trong của chúng. Vô số những tài liệu nhận thức lộn xộn đã được chỉnh đốn lại, được sắp xếp, phân loại và được quy vào mối quan hệ nhân quả, trí thức đó trở thành khoa học và các khoa học đã tiến gần tới sự hoàn chỉnh của mình, nghĩa là một mặt kết hợp với triết học, và mặt khác với thực tiễn”⁴.

Vận dụng tư tưởng đó của Ph. Ăng ghen và của triết học Mác-Lênin nói chung, cho phép khẳng định rằng, *học thuyết về tình hình tội phạm ở Việt Nam hiện có một và chỉ có thể có một mà thôi*. Nói cách khác, nhờ có phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, khái niệm tình hình tội phạm đã được tội phạm học Việt Nam nhìn nhận đúng với bản chất vốn có của nó, cái hàm chứa tổng hợp những luận điểm sau:

Luận điểm thứ nhất, tình hình tội phạm là một hiện tượng lịch sử (Bản chất lịch sử của tình hình tội phạm). Luận điểm này khẳng định tình hình tội phạm xuất hiện trong điều kiện lịch sử nhất định của xã hội

loài người và cũng sẽ bị tiêu vong trong những điều kiện nhất định của xã hội.

Luận điểm thứ hai, tình hình tội phạm là một hiện tượng pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp. Luận điểm này thừa nhận hai nguyên tắc quốc tế “Nulla poena sine lege và Nullum crimen sine lege” do Ancelm Feuerbach (1775 – 1833) nêu ra và được thừa nhận chung.

Luận điểm thứ ba, tình hình tội phạm là một hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực. Đây là bản chất tâm lý - xã hội của tình hình tội phạm với cơ chế vận hành của hành vi phạm tội theo mô hình đã được công thức hoá là S - X - R.

Luận điểm thứ tư, tình hình tội phạm là một hiện tượng có thể nhận thức được, tức là nó được phản ánh thông qua tổng thể các hành vi phạm tội và chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị không gian (hành chính - lãnh thổ) và thời gian nhất định (bản chất phản ánh của tình hình tội phạm).

Chúng tôi giữ quan điểm cho rằng, triết học Mác-Lênin là phương tiện hoàn bị nhất để nhận thức thế giới, trong đó có tình hình tội phạm. Và với khả năng vận dụng phương tiện này ở thời điểm hiện nay vào việc nhận thức hiện tượng “tình hình tội phạm”, cho phép nhận xét rằng, bốn luận điểm đã nêu giữ vai trò là cơ sở cho nhiều mục đích như:

- Là cơ sở để đánh giá các học thuyết khác nhau về tình hình tội phạm;
- Là cơ sở để xác định nội dung khái niệm phòng ngừa tội phạm cũng như xác định hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm (sẽ nói rõ ở mục hai);
- Và còn là cơ sở để nói đến tính hợp lý của các vấn đề tội phạm học đã và đang được chọn lọc nghiên cứu và giảng dạy ở Việt Nam, tội phạm học đại cương.

Về mục đích cuối cùng này, chúng tôi xin trình bày cụ thể thêm. Vì đây là một vấn đề quan trọng của thực tế đào tạo tội phạm học ở nước ta, tức là tình trạng lý luận tội phạm học còn chưa đáp ứng kịp thời đối với nhu cầu của thực tiễn đấu tranh với tình hình tội phạm, cũng như với nhu cầu đào tạo tội

² Các Mác và Ph. Ăng ghen, Toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.827.

³ Hans-Dieter Schwind, sdd, tr. 152.

⁴ Các Mác và Ph. Ăng ghen, Toàn tập, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.827.

phạm học. Thế nhưng, tình trạng “chậm chạp” này cũng có hạt nhân hợp lý của nó. Bởi vì, khi mà chúng ta chưa đủ khả năng để truyền tải tất cả các vấn đề thuộc nội dung tội phạm học, thì việc chọn lựa vấn đề nào được ưu tiên phổ cập trước là một giải pháp cần thiết và phù hợp. Tội phạm học Việt Nam hiện nay đang dừng ở những vấn đề quan trọng nhất và nếu xét theo trình tự khoa học (lôgic của sự phát triển khoa học) mà lịch sử tội phạm học đã chỉ ra, thì nó vẫn bảo đảm sự phát triển hướng đích, tức là vì mục đích cuối cùng. Trình tự lôgic của tội phạm học Việt Nam hiện nay được thể hiện tuân tự qua ba vấn đề then chốt sau đây:

Thứ nhất là khách thể nghiên cứu của tội phạm học⁵.

Dù ý thức được hay chưa ý thức được rõ ràng, thì trong các giáo trình tội phạm học của tất cả các cơ sở đào tạo đại học ở nước ta hiện nay và đặc biệt là các bài viết kèm theo được đăng tải rải rác trên các tạp chí pháp lý chuyên ngành, cũng đã hàm chứa những nội dung nói về tình hình tội phạm, hành vi phạm tội và mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Đây là khách thể cơ bản và quan trọng nhất của tội phạm học. Các khách thể khác đều là phái sinh, tức là được chi tiết hoá từ khách thể cơ bản, như:

+ Tội phạm ẩn (đã và đang được tiếp tục nghiên cứu và phát triển);

+ Nhân thân người phạm tội (đã và đang được nghiên cứu và phát triển);

+ Vấn đề nạn nhân của tội phạm hay còn gọi là nạn nhân học (Viktimologie). Vấn đề này đang được chú ý nghiên cứu nhiều hơn;

+ Vấn đề thiệt hại do tội phạm gây ra (đã và đang được chú ý nghiên cứu);

+ Những biện pháp phòng ngừa tội phạm vốn đang được áp dụng trong xã hội, trong đó có vấn đề tác dụng của hình phạt hay còn gọi là hình phạt học (Poenologie). Vấn đề này đang bắt đầu được chú ý nghiên cứu;

+ Lịch sử tội phạm học (đã và đang được tiếp tục nghiên cứu).

Thứ hai là đối tượng của tội phạm học.

Nghiên cứu các khách thể nêu trên không ngoài việc tìm ra các đặc điểm, các mối liên hệ và lý tưởng, nhất là tìm ra quy luật của sự phạm tội trong xã hội. Đó là đối tượng của tội phạm học và các nghiên cứu sau đây là những nghiên cứu đề cập trực tiếp đến đối tượng của tội phạm học:

+ Nghiên cứu bản chất của tình hình tội phạm;

+ Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện hay tính nhân quả của tình hình tội phạm và hành vi phạm tội;

+ Nghiên cứu các mối liên hệ giữa tình hình tội phạm và các quá trình, hiện tượng khác của đời sống xã hội, như tình hình tội phạm với điều kiện tự nhiên - địa lý; với lứa tuổi; với giới tính; với dân tộc; tín ngưỡng; với không gian, kiến trúc nhà ở... và đặc biệt quan trọng là tình hình tội phạm với pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tức là với quá trình quản lý xã hội của Nhà nước.

Thứ ba là mục đích của tội phạm học.

Kết quả thực hiện tất cả và tuân tự các nghiên cứu thuộc hai “vấn đề” đã nêu trên chính là cơ sở khoa học cho việc đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Nói cách khác, phòng ngừa tội phạm là mục đích cuối cùng của tội phạm học và là sản phẩm tất yếu của việc nhìn nhận rõ quy luật của sự phạm tội (chỉ ra được các yếu tố làm phát sinh tội phạm trong xã hội) trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo tình hình tội phạm với các loại biểu hiện và các mối liên hệ của nó.

2. PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM VÀ HỆ THỐNG CỦA NÓ

Dưới góc độ của tội phạm học Việt Nam, phòng ngừa tội phạm được hiểu là tổng thể các biện pháp do các cơ quan, tổ chức và mọi công dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền nhằm tác động vào các yếu tố làm phát sinh tội phạm cũng như loại trừ các yếu tố này vì mục đích ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

⁵ Xem thêm: Phạm Văn Tinh, *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6/2008, tr. 79.

Nói một cách vắn tắt, phòng ngừa tội phạm là ngăn chặn và loại trừ tội phạm khỏi đời sống xã hội.

Giá trị thực tiễn, cũng là giá trị công cụ của khái niệm phòng ngừa tội phạm đã được định nghĩa ở trên được cô đọng ở hai nội dung có nguồn gốc từ bản chất lịch sử của tình hình tội phạm. Đó là ngăn chặn và loại trừ tội phạm khỏi đời sống xã hội. Hai nội dung này tạo thành hai hệ thống biện pháp cụ thể của phòng ngừa tội phạm ở từng quốc gia. Đó là biện pháp loại trừ tội phạm và biện pháp ngăn chặn tội phạm.

2.1. Các biện pháp loại trừ tội phạm

Những biện pháp loại trừ tội phạm được hiểu là các biện pháp mà Đảng và Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm triệt tiêu các yếu tố làm phát sinh tội phạm trong xã hội. Nói cách khác, đó là những biện pháp do Đảng và Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm nâng cao mọi mặt của đời sống xã hội và loại trừ những yếu tố tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến lối sống cộng đồng, ảnh hưởng xấu đến quá trình hình thành nhân cách của từng cá nhân. Đây là những biện pháp mang tính chiến lược, cơ bản, lâu dài để khắc phục tận gốc các yếu tố làm phát sinh tội phạm và từng bước đẩy lùi tội phạm khỏi đời sống xã hội.

Sở dĩ như vậy là vì chúng tôi xuất phát từ quan niệm rằng, tích cực và tiêu cực; thiện và ác; hành vi vi phạm, hành vi phạm tội và hành vi tuân thủ pháp luật, tất cả đều vận động theo quy luật "thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập".

Và trên thực tế ta thấy, những biện pháp loại trừ tội phạm đồng thời cũng là những biện pháp phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia. Nói cách khác, dưới góc độ của Tội phạm học, những chủ trương, chính sách cũng như những biện pháp cụ thể về phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia chính là cơ sở khách quan cho việc hình thành và phát triển những hành vi tích cực, những hành vi tuân thủ pháp luật và đồng thời đó cũng chính là cơ sở khách quan cho việc

phòng ngừa những hành vi tiêu cực, vi phạm và tội phạm.

Mặt khác, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm đều do môi trường sống quy định, trong đó mỗi khiếm khuyết, mỗi sự sai lệch hay yếu kém trong quá trình quản lý xã hội (trong mục đích quản lý, trong cơ chế quản lý, trong các công cụ quản lý hay trong quá trình triển khai thực hiện trong thực tế) đều có thể tác động đến tình hình tội phạm.

Vì thế, nói đến các biện pháp loại trừ tội phạm không thể không nói đến các biện pháp phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước. Đó là:

2.1.1. Biện pháp chính trị-pháp lý

Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin xem nguyên nhân sâu xa về mặt xã hội của tội phạm (tình hình tội phạm) là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, là chế độ người bóc lột người, là sự bản cùng hóa người lao động, cho nên ở nước ta, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam nắm chính quyền đã chủ trương xây dựng nước ta thành một nước dân chủ cộng hòa và nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại Điều 2 Hiến pháp 1992 sửa đổi đã khẳng định "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân".

Nhà nước ta chủ trương "phát triển về kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng" (Điều 15 Hiến pháp 1992).

Nhà nước ta quy định: "Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm hiến pháp và pháp luật".

Nhà nước ta chủ trương "phát triển hệ thống giáo dục: giáo dục mầm non, giáo dục

phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học, phổ cập giáo dục tiểu học, xóa nạn mù chữ, phát triển các hình thức trường quốc lập, dân lập và các hình thức giáo dục khác".

Tóm lại, với những thiết chế chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục như vừa mô tả ở trên, cùng với sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản, xã hội Việt Nam, về bản chất là một xã hội kháng tội phạm. Một xã hội được thiết kế và vận hành với những thiết chế đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) phải được xem như một biện pháp cơ bản của việc phòng ngừa tội phạm có mục đích loại trừ dần dần tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

2.1.2. Những biện pháp kinh tế

Cả kinh nghiệm và khoa học (Tội phạm học) đều chỉ ra rằng, vấn đề quan trọng nhất đối với việc phòng ngừa tội phạm là nâng cao, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Vì thế, tất cả những biện pháp nhằm phát triển kinh tế, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo trong xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành, đều là những biện pháp có giá trị to lớn và quyết định để giải quyết vấn đề tội phạm trong xã hội. Ngược lại, những nhược điểm, khiếm khuyết hay sai lầm trong các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội cũng sẽ mang lại hậu quả xấu không chỉ đối với đời sống kinh tế của xã hội mà còn làm cho tình hình tội phạm trầm trọng thêm.

2.1.3. Những biện pháp chính trị - tư tưởng

Nước ta là một nước đa dân tộc, đa tôn giáo, đa vùng miền và cũng có nhiều giai tầng xã hội khác nhau. Vì thế tiềm năng mâu thuẫn là không nhỏ. Thế nhưng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nước ta đã có được sự ổn định về chính trị. Điều này là đặc biệt quan trọng không chỉ đối với sự phát triển kinh tế mà còn có giá trị đặc biệt đối với việc phòng ngừa tội phạm (nhất là những tội xâm phạm an ninh quốc gia). Vì thế cần phải duy trì và không ngừng hoàn

thiện đường lối chính trị đã và đang được tiến hành trên đất nước ta. Đường lối đó được thể hiện trong quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và trong việc thực hiện quyền lực nhà nước.

2.1.4. Những biện pháp văn hóa-giáo dục

Văn hóa và giáo dục là hai yếu tố trực tiếp làm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của con người trong xã hội. Sai lầm, khiếm khuyết trong công tác giáo dục và trong hoạt động văn hóa tất sẽ dẫn đến sự hình thành những nhân cách sai lệch - nguồn phát sinh tội phạm trong xã hội.

Văn hóa là mặt biểu hiện trong hành vi, lối sống và trong hoạt động cũng như trong kết quả, sản phẩm của hoạt động của con người. Đó là sự kết tinh các giá trị vật chất (kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất) và tinh thần (khoa học, văn học, nghệ thuật, nếp sống, đạo đức, tập quán, pháp luật, ...), những giá trị do chính con người tạo ra trong quá trình thực tiễn xã hội - lịch sử.

Ngày nay, văn hóa được xác định là "nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế-xã hội.

Đảng ta chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 đã xác định: "làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng cường sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tinh thần văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân"⁶.

⁶ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, 2006, tr. 213.

Làng văn hóa, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa đã và đang trở thành một cuộc vận động sâu rộng trên đất nước ta nhiều năm nay. Đây thực sự là một biện pháp đặc biệt hữu hiệu trong phòng ngừa tội phạm.

Về giáo dục và đào tạo: trong tội phạm học, giáo dục và đào tạo cần được xem là một biện pháp phòng ngừa cơ bản đối với tình hình tội phạm.

Ở nước ta, giáo dục luôn luôn được coi trọng. "Giáo dục là quốc sách hàng đầu". Giáo dục là phương thức để nâng cao trình độ văn hóa. Văn hóa càng cao thì càng có khả năng tránh được vi phạm pháp luật và tội phạm. Trong tình hình tội phạm ở nước ta cũng như ở các nước khác, mối quan hệ giữa yếu tố văn hóa-giáo dục thể hiện rất rõ. Ví dụ, theo số liệu mà chúng tôi nghiên cứu thì, trong tội phạm giết người, số phạm nhân có trình độ phổ thông cơ sở chiếm trên 70%; ở tội phạm của người chưa thành niên, số người phạm tội có trình độ văn hóa từ lớp 6 trở xuống chiếm tới trên 97%...

Như vậy, nâng cao trình độ văn hóa cho toàn dân vừa là biện pháp mang tính chiến lược để phát triển xã hội, vừa là biện pháp thiết thực, cơ bản để phòng ngừa vi phạm và tội phạm.

Văn hóa, giáo dục và đào tạo là những phạm trù không tách rời nhau và luôn luôn là những nội dung quan trọng trong mọi chiến lược phát triển kinh tế-xã hội cũng như trong mọi văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam qua mỗi kỳ đại hội. Ví dụ, Đảng chủ trương đến năm 2000:

- Thanh toán nạn mù chữ ở những người ở độ tuổi từ 15-35;
- Cơ bản hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước;
- Nâng tỉ trọng người lao động có đào tạo từ 10% (1995) lên 22-25%...

Đến Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, các chỉ tiêu lại được xác định là: "Đến năm 2010, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đạt 200 sinh viên đại học và cao đẳng/10.000 dân; lao động đã

qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội"⁷.

Để phòng ngừa tội phạm, các chỉ tiêu đã nêu thiết nghĩ, cần được kết hợp với giáo dục văn hóa mà phạm vi và nội dung của nó phải bao hàm các yếu tố, bộ phận sau:

- Phạm vi giáo dục phải tạo thành một hệ thống gồm:

- + Giáo dục tại gia đình;
- + Giáo dục tại tổ dân phố, thôn, xóm, phường, xã;
- + Giáo dục trong nhà trường (mầm non, phổ thông, đại học, sau đại học);
- + Giáo dục tại nơi làm việc (cơ quan, công ty, ...);
- + Giáo dục trên phạm vi toàn xã hội (thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như sách, báo, đài, vô tuyến truyền hình, Internet).

- Nội dung giáo dục có giá trị phòng ngừa tội phạm cần phải bao hàm cả giá trị về đạo đức xã hội và pháp luật trên các lĩnh vực thích ứng với từng giai tầng xã hội, vị trí xã hội của từng cá nhân để mọi hành vi ứng xử, cử chỉ giao tiếp, cách nói năng cũng như các hành động sao cho phù hợp với đạo đức và pháp luật.

2.1.5. Biện pháp pháp luật

Với chức năng điều chỉnh hành vi, điều chỉnh các quan hệ xã hội và tác động vào ý thức của con người, pháp luật có vai trò đặc biệt to lớn đối với phòng ngừa tội phạm. Khi viết bài "Những cuộc tranh luận về Luật cấm trộm củi rừng" vào năm 1842-1843, C.Mác đã khẳng định rằng: "Nhà làm luật khôn ngoan ngăn ngừa sự phạm tội để khỏi phải trừng phạt nó".

Để pháp luật có thể thực hiện được các chức năng của mình và thực sự giữ được vai trò phòng ngừa tội phạm của nó, thì pháp luật phải là pháp luật tốt, hay nói như Mác là "Luật phải thích ứng với bản chất pháp lý của sự vật", chứ không phải ngược lại.

⁷ Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 189.

Từ yêu cầu có tính chất lý luận như vậy và xuất phát từ thực trạng của hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay, biện pháp phòng ngừa tội phạm thông qua hệ thống pháp luật phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoàn thiện cơ chế làm luật;
- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tức là Nhà nước cần phải xây dựng mới và hoàn thiện pháp luật cho các lĩnh vực cần thiết của đời sống kinh tế-xã hội, nhằm phát huy mọi nguồn lực, mọi tài năng sáng tạo và lao động của nhân dân, đồng thời tạo ra những bảo đảm cần thiết và đầy đủ để công dân thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình về kinh tế, chính trị, dân sự ... và đặc biệt phải khắc phục được những khiếm khuyết, sai sót vốn đang tồn tại trong hệ thống pháp luật hiện hành như:

- + Thiếu thống nhất;
- + Thiếu đồng bộ;
- + Nhiều sơ hở, dễ lợi dụng;
- + Dễ vi phạm;
- + Mức độ khả thi thấp, ...

2.1.6. Các biện pháp tổ chức

Nếu như những biện pháp loại trừ tội phạm xét về mặt nội dung có chức năng tác động vào ý thức của con người, giúp cho mọi người có được ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, thì những biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp về mặt nội dung và đồng thời phải khống chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung.

Biện pháp tổ chức ở đây được thể hiện ở hai mức độ:

Mức độ thứ nhất đề cập đến vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống chính trị. Từ năm 2001, Nhà nước ta đã được xác định là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

Mức độ thứ hai đề cập đến vấn đề tổ chức của bản thân các cơ quan bảo vệ pháp luật, đặc biệt là các cơ quan tư pháp (hình sự).

Các luật tổ chức cần được nghiên cứu và hoàn thiện theo yêu cầu của cải cách hành

chính, cải cách tư pháp đang đặt ra trong thực tế và phải tạo ra được bản lĩnh Pháp luật Việt Nam.

2.2. Các biện pháp ngăn chặn tội phạm

Về cơ bản có thể hiểu một cách hệ thống và khái quát về các biện pháp loại trừ và ngăn chặn tội phạm (tình hình tội phạm) như sau:

Nếu như các biện pháp loại trừ tội phạm là các biện pháp mà Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền, các cơ quan nhà nước, các tổ chức, các đoàn thể và mọi công dân tiến hành nhằm nâng cao mọi mặt của đời sống xã hội, loại trừ những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng xấu đến lối sống cộng đồng, đến quá trình hình thành nhân cách con người và đó là những biện pháp mang tính chiến lược, cơ bản, lâu dài để khắc phục tận gốc các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm và từng bước đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội, thì biện pháp ngăn chặn tội phạm lại có mục đích tác động trực tiếp đến những hoàn cảnh có khả năng phát sinh tội phạm, cũng như vào những đối tượng có khả năng sẽ phạm tội, các đối tượng đã phạm tội và đã được ghi nhận (thống kê) để quản lý họ, tránh cho họ tiếp tục thực hiện hành vi tiêu cực và tội phạm. Có các biện pháp ngăn chặn tội phạm sau:

2.2.1. Những biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra

a) Những hoàn cảnh có khả năng phạm tội cao

Từ thực tế quản lý nhà nước và thực tế đấu tranh với tình hình tội phạm cho phép nói đến những vùng, những khu vực hay lĩnh vực có nguy cơ cao của sự thực hiện một số loại tội phạm cụ thể. Và chỉ có các chủ thể quản lý các lĩnh vực đó mới có khả năng đề ra và tiến hành những biện pháp ngăn chặn thích hợp nhất. Chẳng hạn, một khu vực hay xảy ra mất xe máy, hoặc loại cấu trúc nhà ở mà người ngoài dễ đột nhập vào được; hoặc trong lĩnh vực đèn bù, giải phóng mặt bằng với những xung đột nóng bỏng sẽ dễ xảy ra các tội như: chống người thi hành công vụ, tội gây rối trật tự công cộng, Tội cố ý gây

thương tích... Trong các điểm có dịch vụ nhạy cảm như: Karaoke, Massage ... để có thể đăng sau nó là một số hành vi phạm tội.

Thực tế xã hội ta đã và đang đặt ra cho các nhà quản lý phải làm việc với tinh thần nhạy bén, sâu sắc, có trách nhiệm cao và đặc biệt là ý thức vì dân để có thể đưa ra những biện pháp phù hợp nhất, tránh không để cho tội phạm xảy ra.

b) Những đối tượng có nguy cơ phạm tội cao

Dù muốn hay không thì hiện nay cũng phải thừa nhận rằng, ở đất nước ta đang có một số lượng không nhỏ những người nghiện ma tuý, những người hành nghề mại dâm, những người ham chơi cờ bạc Đối với những người này không thể không được quản lý. Và đây là những biện pháp pháp lý hành chính tác động đến họ, đã và đang được thực hiện. Các biện pháp này phải được duy trì và hoàn thiện.

2.2.2. Những biện pháp không cho tội phạm được thực hiện đến cùng

Nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội phạm xét theo thủ đoạn phạm tội hoặc xem xét trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội, thì thấy rằng, có những tội phạm được thực hiện một cách bột phát, nhưng lại có những tội phạm được thực hiện trải qua cả ba giai đoạn là động cơ hoá, kế hoạch hoá và hiện thực hoá hành vi phạm tội. Đối với cả hai phương thức phạm tội như vậy đều cần đến những biện pháp ngăn chặn, những biện pháp không chỉ là cần thiết mà hoàn toàn có thể thực hiện được. Đó phải là những biện pháp ngăn chặn ở giai đoạn động cơ hoá hành vi phạm tội, ở giai đoạn kế hoạch hoá và cả ở giai đoạn hiện thực hoá hành vi phạm tội. Ví dụ, ở Quảng Bình, một người say rượu cầm rựa đập phá tài sản của 17 gia đình trong thời gian hàng tiếng đồng hồ. Đây là giai đoạn hiện thực hoá hành vi phạm tội. Nếu có biện pháp ngăn chặn kịp thời, tội phạm đã không thể xảy ra đối với 17 gia đình của một thôn. Những biện pháp ngăn chặn loại này là rất phong phú và đòi hỏi mọi người phải tham gia, bất kể đó là nạn

nhân hay các chức danh tư pháp ở địa phương, hay người đi đường, song, điều quan trọng là ở từng địa phương, từng địa bàn, chính quyền sở tại phải có các phương án ngăn chặn đối với từng loại tội phạm thường xảy ra một cách thích ứng.

2.2.3. Những biện pháp không để xảy ra tái phạm

Đây là những biện pháp thuộc phạm trù "giải quyết vụ án hình sự", song có giá trị phòng ngừa rất cao. Các hoạt động của cơ quan tư pháp hình sự không chỉ tác động trực tiếp đối với người phạm tội, các thành viên trong gia đình, bạn bè họ, mà còn tác động đến tất cả mọi người, những ai tiếp nhận được những thông tin về các hoạt động đó. C.Mác đã phải thừa nhận rằng: "Thực tiễn công tác xét xử của Tòa án là đời sống hàng ngày của pháp luật, hiệu quả của pháp luật hình sự phụ thuộc rất nhiều vào tính đúng đắn của công tác xét xử đó".

Rõ ràng, nếu tội phạm xảy ra mà được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo đúng pháp luật, và đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả, thì:

- Gây được lòng tin trong nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật và nhờ đó nâng cao được tính tích cực của công dân trong đấu tranh cũng như phòng chống tội phạm;

- Làm mất hy vọng ở sự trốn tránh pháp luật của những người phạm tội;

- Người phạm tội nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình và quyết tâm cải tạo.

Đây chính là mối quan hệ biện chứng giữa đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

2.2.4. Biện pháp thống kê hình sự - thống kê tư pháp

V.I. Lênin đã khẳng định rằng, thống kê tư pháp có ý nghĩa phòng ngừa đặc biệt. Không có thống kê tốt thì không có nhận thức đúng về hiện tại, quá khứ của tình hình tội phạm và do đó không thể dự báo đúng về tương lai của tình hình tội phạm để có giải pháp phù hợp.